

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - ĐỀ THAM KHẢO**NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 6***Thời gian : 20 phút (không kể thời gian phát đề)*

Họ và tên: Lớp: SBD:Phòng:	Giáo viên coi kiểm tra	Mã phách
---	-------------------------------	-----------------

Điểm	Giáo viên chấm thi	Mã phách
-------------	---------------------------	-----------------

A. Phần trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm)**Câu 1.** Cách viết nào sau đây cho ta tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 7?

A. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

B. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

C. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

D. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

Câu 2. Kết quả của phép tính $25.69 + 31.25$ là

A. 2500

B. 250

C. 100

D. 2350

Câu 3. Kết quả của phép tính $8^5 \cdot 8^2 \cdot 4 \cdot 64 \cdot 2$ được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên là

A. 8^8

B. 8^{10}

C. 8^8

D. 8^9

Câu 4. Tìm số nguyên x , biết $3x + 15 = 57$

A. $x = 14$

B. $x = 7$

C. $x = 21$

D. $x = 28$

Câu 5. Số nào trong các số sau đây chia hết cho 3?

A. 2020

B. 2021

C. 2018

D. 2019

Câu 6. Trong các phát biểu sau:

[1] Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2 và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.

[2] Các số có chữ số tận cùng là 0; 5 thì chia hết cho 5 và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.

[3] Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.

[4] Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9 và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.

Có tất cả bao nhiêu phát biểu **đúng**?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7. Số nào sau đây là hợp số?

- A. 97 B. 81 C. 89 D. 71

Câu 8. Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

- A. $2.3.5$ B. $2^2.3.5$ C. $2.3^2.5$ D. $2^2.3.5^2$

Câu 9. Số nguyên âm biểu thị cho nhiệt độ 5 độ dưới 0°C là

- A. $+5^\circ\text{C}$. B. 5°C . C. -5°C . D. $-(-5)^\circ\text{C}$.

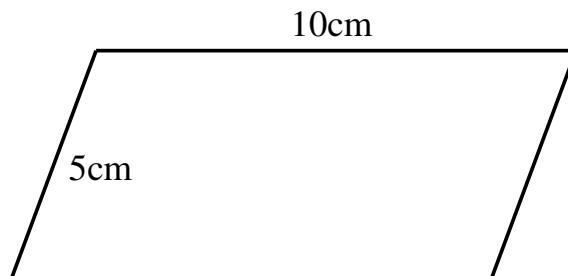
Câu 10. Cho $a = 0; b = 3; c = -3$. Khi đó:

- A. $a < c < b$ B. $c < b < a$ C. $a < b < c$ D. $c < a < b$

Câu 11. Tính diện tích của hình thoi có độ dài hai đường chéo là 4cm và 15cm.

- A. 48cm^2 . B. 60cm^2 . C. 96cm^2 . D. 30cm^2

Câu 12. Tính chu vi của hình bình hành với các kích thước như hình vẽ



- A. 30 cm. B. 18cm. C. 20cm. D. 28cm

B. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm)

a) Tìm BCNN (12, 36, 54).

b) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{5}{12}$; $\frac{3}{16}$. Từ đó thực hiện phép tính $\frac{5}{12} + \frac{3}{16}$.

Câu 2. (1.5 điểm)

a) Sử dụng số nguyên để biểu thị độ cao của

i) Đỉnh Phan Xi Păng (Fansipan) cao 3147m so với mực nước biển.

ii) Một tàu ngầm đang ở 250m dưới mực nước biển.

b) So sánh hai số nguyên âm đã biểu thị ở câu a).

Câu 3. (1.5 điểm) Nhân ngày nhà giáo Việt Nam, các em học sinh lớp 6A đã mua 90 bông hoa hồng, 40 bông hoa cúc để kết thành những bó hoa tặng các thầy các cô sao cho số hoa hồng và số hoa cúc trong từng bó đều bằng nhau.

a) Hỏi số bó hoa nhiều nhất có thể kết được là bao nhiêu?

b) Khi đó mỗi bó hoa có bao nhiêu bông hoa mỗi loại?

Câu 4. (2.0 điểm) Một căn phòng có dạng hình chữ nhật với chiều dài là 8m và chiều rộng là 5m.

a) Tính diện tích của căn phòng.

b) Người ta muốn lát gạch cho căn phòng trên bằng loại gạch lát nền có dạng hình vuông cạnh 40cm. Hỏi cần phải phải sử dụng bao nhiêu viên gạch?

Câu 5. (0.5 điểm) Tính tổng tất cả các số nguyên x , biết $-2022 < x \leq 2022$

----- **HẾT** -----

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - ĐỀ THAM KHẢO**NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 6****Thời gian : 20 phút (không kể thời gian phát đề)**

Họ và tên: Lớp: SBD:Phòng:	Giáo viên coi kiểm tra	Mã phách
---	-------------------------------	-----------------

Điểm	Giáo viên chấm thi	Mã phách
-------------	---------------------------	-----------------

A. Phần trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm)

Câu 1. Nhà toán học Py-ta-go (Pythagoras) sinh vào khoảng năm 572 trước công nguyên. Số nguyên âm biểu thị cho năm xảy ra sự kiện này là

- A. $-(-572)$. B. 572. C. + 572. D. -572.

Câu 2. Tập hợp $M = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 4\}$ cho bằng cách liệt kê phần tử là

- A. $M = \{1; 2; 3; 4\}$ B. $M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ C. $M = \{0; 1; 2; 3\}$ D. $M = \{1; 2; 3\}$

Câu 3. Cho $a = -3; b = 1; c = 0$. Khi đó:

- A. $a < c < b$ B. $c < b < a$ C. $a < b < c$ D. $c < a < b$

Câu 4. Có bao nhiêu số nguyên tố lớn hơn 50 và nhỏ hơn 70?

- A. 3 B. 6 C. 4 D. 5

Câu 5. Kết quả của phép tính $25.8 - 15.5 + 160 : 16 - 10$ là

- A. 150 B. 160 C. 125 D. 300

Câu 6. Tìm số nguyên x , biết $3x - 6 = 30$

- A. $x = 3$ B. $x = 12$ C. $x = 20$ D. $x = 6$

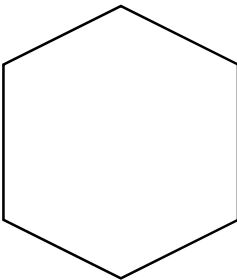
Câu 7. 81 được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên và cơ số 3 là

- A. 3^2 B. 9^2 C. 9^4 D. 3^4

Câu 8. Phân tích số 84 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

- A. $2^2.3.7$
- B. $2.3.7$
- C. $2.3^2.7$
- D. $2^2.3.7^2$

Câu 9. Hình vẽ bên dưới có tên là gì?



- A. Tam giác đều
- B. Hình vuông
- C. Lục giác đều
- D. Hình bình hành

Câu 10. Nối các ý A, B, C, D ở cột I với các ý (1), (2), (3), (4) ở cột II để được các khẳng định **đúng**

CỘT I	CỘT II
A – Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8	(1) – chia hết cho 5
B – Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3	(2) – chia hết cho 3
C – Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9	(3) – chia hết cho 9
D – Các số có chữ số tận cùng là 0; 5	(4) – chia hết cho 2

Kết quả đúng là

- A. A – (4); B – (3); C – (2); D – (1)
- B. A – (4); B – (3); C – (1); D – (2)
- C. A – (4); B – (2); C – (3); D – (1)
- D. A – (4); B – (2); C – (1); D – (3)

Câu 11. Tính diện tích của hình thoi có độ dài hai đường chéo đều bằng 12cm.

- A. 96cm^2 .
- B. 72cm^2
- C. 48cm^2 .
- D. 144cm^2 .

Câu 12. Số nào dưới đây chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 5?

- A. 123
- B. 135
- C. 210
- D. 299

B. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm)

a) Tìm BCNN (12, 18, 24).

b) Quy đồng mẫu số ba phân số $\frac{7}{12}; \frac{1}{18}; \frac{5}{24}$.

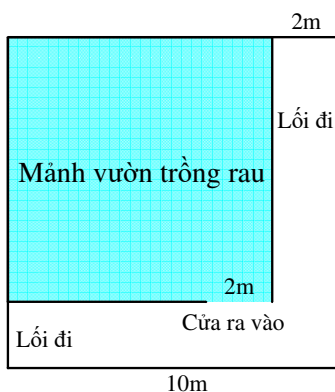
c) Thực hiện phép tính $\frac{7}{12} + \frac{1}{18} + \frac{5}{24}$.

Câu 2. (1.5 điểm) Nối các ý A, B, C, D ở cột I với các ý (1), (2), (3), (4) ở cột II thể hiện số nguyên âm được sử dụng trong thực tiễn cuộc sống.

CỘT I	CỘT II
A – chỉ nhiệt độ dưới 0 °C	(1) – Nhà toán học Ô-clít (Euclid) sinh vào năm 330 trước Công nguyên
B – chỉ độ cao dưới mực nước biển	(2) – Công ty ABE kinh doanh bị lỗ 5 000 000 đô la.
C – chỉ số tiền nợ, số tiền lỗ trong kinh doanh	(3) – Thủ đô Mát-xcơ-va (Moscow) của nước Nga đạt nhiệt độ trung bình là – 1°C vào ngày 18/01/2020.
D – chỉ thời gian trước Công nguyên	(4) – Một tàu ngầm đang lặn sâu 250m dưới mực nước biển

Câu 3. (1.5 điểm) Một đội y tế gồm có 220 nữ và 280 nam dự định chia thành các nhóm sao cho số nữ và số nam ở mỗi nhóm đều nhau, biết số nhóm chia được nhiều hơn 1 nhóm và không lớn hơn 5 nhóm. Hỏi có thể chia thành mấy nhóm? Khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu nam bao nhiêu nữ.

Câu 4. (2.0 điểm) Một mảnh vườn có dạng hình vuông với chiều dài cạnh bằng 10m. Người ta để một phần mảnh vườn làm lối đi rộng 2m (như hình vẽ), phần còn lại để trồng rau. Người ta làm hàng rào xung quanh mảnh vườn trồng rau và để cửa ra vào rộng 2m.



a) Tính diện tích phần đất trồng rau.

b) Tính độ dài hàng rào.

Câu 5. (0.5 điểm) Chứng minh $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{100} + 3^{101}$ chia hết cho 13.

----- **HẾT** -----

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - ĐỀ THAM KHẢO

NĂM HỌC: 2022 – 2023

Môn : TOÁN – Lớp 6

Thời gian : 20 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên: Lớp: SBD:Phòng:	Giáo viên coi kiểm tra	Mã phách
---	------------------------	----------

Điểm	Giáo viên chấm thi	Mã phách
------	--------------------	----------

A. Phần trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm)

Câu 1. Có bao nhiêu số nguyên tố nhỏ hơn 50 và lớn hơn 30

- A. 4 B. 3 C. 5 D. 6

Câu 2. Kết quả của phép tính $(36 \cdot 98 + 98 \cdot 64) : (981 - 781)$ là

- A. 72 B. 49 C. 36 D. 98

Câu 3. Kết quả của phép tính $3^4 \cdot 2^4 \cdot 32 \cdot 3^5$ được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên là

- A. $2^5 \cdot 3^5$ B. $2^9 \cdot 3^9$ C. $2^{12} \cdot 3^{12}$ D. $2^4 \cdot 3^4$

Câu 4. Khi phân tích 240 ra thừa số nguyên tố thì kết quả thu được là

- A. $2^4 \cdot 3^2 \cdot 5$ B. $2^4 \cdot 3 \cdot 5$ C. $16 \cdot 3 \cdot 5$ D. $2^2 \cdot 3^2 \cdot 5$

Câu 5. Số nào dưới đây **chia hết** cho 2; 3; 5 nhưng **không chia** hết cho 9?

- A. 540 B. 630 C. 270 D. 300

Câu 6. Trong các khẳng định dưới đây, khẳng định nào **không đúng** về hình chữ nhật.

- A. Hình chữ nhật có các cạnh đối bằng nhau. B. Hình chữ nhật có các cạnh đối song song.
C. Hình chữ nhật là hình có bốn góc bằng nhau. D. Hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau.

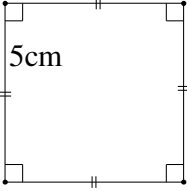
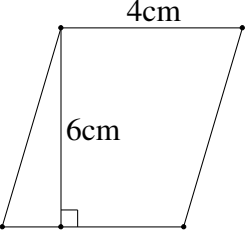
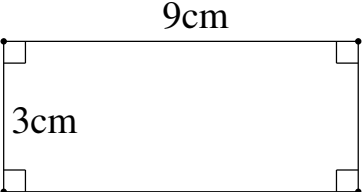
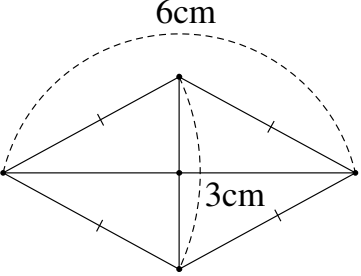
Câu 7. Tính chu vi, diện tích của hình thoi có độ dài cạnh là 5cm và độ dài hai đường chéo là 8cm, 6cm.

- A. 25cm, 24cm^2 . B. 25cm, 48cm^2 . C. 20cm, 24cm^2 D. 20cm, 48cm^2

Câu 8. Tìm số nguyên x biết $3x+12=15$

- A. $x=15$
- B. $x=12$
- C. $x=3$
- D. $x=1$

Câu 9. Nối các ý A, B, C, D ở cột I với các ý (1), (2), (3), (4) ở cột II để đúng với diện tích của các hình đã cho.

CỘT I				CỘT II	
A		C		$S = 24\text{cm}^2$	(1)
				$S = 9\text{cm}^2$	(2)
B		D		$S = 27\text{cm}^2$	(3)
				$S = 25\text{cm}^2$	(4)

- Kết quả đúng là
- A. A – (4); B – (3); C – (1); D – (2)
- B. A – (4); B – (3); C – (2); D – (1)
- C. A – (4); B – (2); C – (3); D – (1)
- D. A – (4); B – (2); C – (1); D – (3)

Câu 10. Một hình vuông có diện tích 144 cm^2 . Độ dài cạnh hình vuông là

- A. 10 cm
- B. 12 cm
- C. 36 cm
- D. 24 cm

Câu 11. Cho $a = -2; b = 3$. Khi đó:

- A. $a : b$
- B. $a < b$
- C. $a = b$
- D. $a > b$

Câu 12. Tập hợp $A = \{0; 3; 6; 9; 12; 15\}$ cho bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử là

- A. $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \leq 15 \mid x : 3\}$
- B. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 15 \mid x : 3\}$
- C. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 15 \mid x : 3\}$
- D. $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 15\}$

B. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm) Một chiếc tàu ngầm đang ở độ cao $- 33\text{ m}$ so với mực nước biển. Sau đó, tàu ngầm nổi lên 12m .

- a) Vẽ trục số thẳng đứng để biểu thị quá trình thay đổi độ cao của tàu ngầm so với mực nước biển.

b) Tính độ cao mới của tàu ngầm so với mặt nước biển.

Câu 2. (1.5 điểm)

a) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{36}{42}$ và $\frac{12}{84}$.

b) Thực hiện phép tính $\frac{14}{25} + \frac{56}{75}$.

Câu 3. (2.0 điểm) Một siêu thị cần treo đèn LED trang trí xung quanh mép một tấm biển quảng cáo hình chữ nhật có chiều rộng 5m và chiều dài 10m.

a) Tính chu vi của tấm biển quảng cáo.

b) Chi phí cho mỗi mét dài của đèn LED là 120000 đồng. Hỏi siêu thị đó phải trả bao nhiêu tiền khi cần treo đèn LED (bỏ qua tiền công thợ lắp đèn).

Câu 4. (1.5 điểm) Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, học sinh lớp 6A đã mua 75 hoa hồng, 30 hoa hướng dương và 105 hoa đồng tiền để kết thành những bó hoa như nhau tặng thầy cô.

a) Hỏi số bó hoa nhiều nhất có thể kết được là bao nhiêu?

b) Mỗi bó hoa có bao nhiêu hoa mỗi loại ?

Câu 5. (0.5 điểm) Tính tổng tất cả các số nguyên x biết $-2021 < x \leq 2020$

----- **HẾT** -----

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - ĐỀ THAM KHẢO

NĂM HỌC: 2022 – 2023

Môn : TOÁN – Lớp 6

Thời gian : 20 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên: Lớp: SBD:Phòng:	Giáo viên coi kiểm tra	Mã phách
---	------------------------	----------

Điểm	Giáo viên chấm thi	Mã phách
------	--------------------	----------

A. Phần trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính $3^5 \cdot 3^4$ được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên là

- A. 3^{20} B. 3^9 C. 3^{54} D. 3^1

Câu 2. Điền dấu vào ô trống để được một khẳng định **đúng**: $3 \square (-2)$

- A. = B. $\in$ C. < D. >

Câu 3. Tìm số nguyên x biết $14 + 16 + 28 + x = 58$

- A. $x = -1$ B. $x = 0$ C. $x = 1$ D. $x = 58$

Câu 4. Số nào sau đây là hợp số?

- A. 91 B. 21 C. 23 D. 43

Câu 5. Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. Hai đường chéo của hình thoi bằng nhau và vuông góc với nhau
B. Hai đường chéo của hình chữ nhật bằng nhau
C. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau và vuông góc với nhau
D. Hai đường chéo của hình thang cân bằng nhau

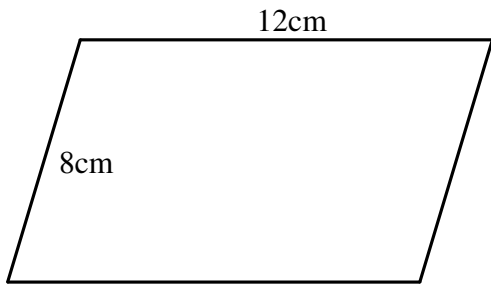
Câu 6. Kết quả của phép tính $25.69 + 31.25 - 150$ là

- A. 2350 B. 250 C. 100 D. 2500

Câu 7. Tập hợp $M = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \leq 10\}$ có số phần tử là

- A. 10
- B. 9
- C. 11
- D. 12

Câu 8. Tính chu vi của hình bình hành với các kích thước như hình vẽ.



- A. 50cm
- B. 60cm
- C. 30cm
- D. 40 cm

Câu 9. Tính diện tích của hình thoi có độ dài hai đường chéo đều là 8cm.

- A. 32cm²
- B. 48cm².
- C. 36cm².
- D. 64cm².

Câu 10. Phân tích số 40 ra thừa số nguyên tố ta được

- A. 2.3².5
- B. 2.3.5
- C. 2³.5
- D. 3².5²

Câu 11. Nối các ý A, B, C, D ở cột I với các ý (1), (2), (3), (4) ở cột II thể hiện số nguyên âm được sử dụng trong thực tiễn cuộc sống.

CỘT I	CỘT II
A – chỉ nhiệt độ dưới 0 °C	(1) – Triết gia Platon sinh vào năm 428 trước Công nguyên
B – chỉ độ cao dưới mực nước biển	(2) – Cửa hàng bách hóa nợ 100 000 000 đồng tiền hàng.
C – chỉ số tiền nợ, số tiền lỗ trong kinh doanh	(3) – Một thợ lặn đang lặn ở độ sâu 20m so với mực nước biển
D – chỉ thời gian trước Công nguyên	(4) – Nhiệt độ ngày 23/01/2020 tại thành phố Moscow – Nga là 6 độ dưới 0°C.

Kết quả đúng là

- A. A – (4); B – (3); C – (1); D – (2)
- B. A – (4); B – (2); C – (1); D – (3)
- C. A – (4); B – (3); C – (2); D – (1)
- D. A – (4); B – (2); C – (3); D – (1)

Câu 12. Trong các số sau, số nào chia hết cho 3 ?

- A. 226
- B. 7859
- C. 7421
- D. 324

B. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm)

- a) Vẽ biểu diễn các số nguyên $-5; 0; 2; 3$ trên một trục số.
- b) Hãy sắp xếp các số nguyên vừa biểu thị ở câu a theo thứ tự tăng dần.
- c) Nhiệt độ buổi sáng của phòng bảo quản là -2°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng bảo quản là bao nhiêu biết nhiệt độ tăng 4°C so với buổi sáng?

Câu 2. (1.5 điểm)

- a) Tìm BCNN $(5, 25, 30)$. Qua đó quy đồng mẫu số ba phân số $\frac{1}{5}; \frac{3}{25}; \frac{7}{30}$.
- b) Thực hiện phép tính $\frac{1}{5} + \frac{3}{25} + \frac{7}{30}$.

Câu 3. (2.0 điểm) Một nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng 5m và chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Người ta lát nền nhà bằng những viên gạch hình vuông cạnh 4dm.

- a) Tính số viên gạch vừa đủ để lát hết nền nhà đó (không tính mạch vữa)
- b) Biết giá tiền 1 viên gạch là 19000 đồng. Hỏi cần bao nhiêu tiền để mua đủ gạch lát nền nhà đó?

Câu 4. (1.5 điểm) Bạn Lan có 48 viên bi đỏ, 30 viên bi xanh, 66 viên bi vàng. Lan muốn chia đều số bi vào các túi sao cho mỗi túi đều có cả ba loại bi.

- a) Hỏi Lan có thể chia bằng mấy cách chia?
- b) Với cách chia bi vào nhiều túi nhất thì mỗi túi có bao nhiêu bi mỗi loại?

Câu 5. (0.5 điểm) Không thực hiện phép tính. Hãy chứng minh $A = 7^1 + 7^2 + 7^3 + 7^4 + 7^5 + 7^6 + 7^7 + 7^8$ là bội của 56.

----- HẾT -----

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - ĐỀ THAM KHẢO

NĂM HỌC: 2022 – 2023

Môn : TOÁN – Lớp 6

Thời gian : 20 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên: Lớp: SBD:Phòng:	Giáo viên coi kiểm tra	Mã phách
---	------------------------	----------

Điểm	Giáo viên chấm thi	Mã phách
------	--------------------	----------

A. Phần trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm)

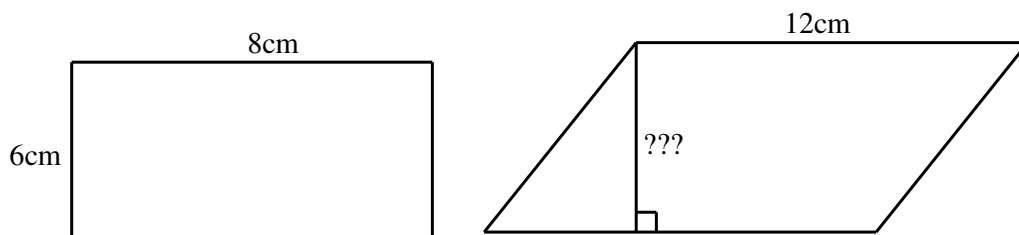
Câu 1. Trong các khẳng định sau đây khẳng định nào **đúng**?

- A. Những số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9.
- B. Những số chia hết cho 2 thì chia hết cho 3.
- C. Số chia hết cho cả 2 và 5 thì có chữ số tận cùng là 0.
- D. Số chia hết cho cả 3 và 5 thì có chữ số tận cùng là 0.

Câu 2. Một hình thoi có diện tích là 36cm^2 thì có thể có độ dài hai đường chéo là

- A. 8cm và 9cm
- B. 12cm và 4cm
- C. 4cm và 8cm
- D. 18cm và 3cm

Câu 3. Cho biết hình chữ nhật và hình bình hành bên dưới có cùng diện tích. Tính chiều cao của hình bình hành.



- A. 6cm.
- B. 12cm
- C. 4 cm.
- D. 8cm.

Câu 4. Kết quả của phép tính $(-5) + 3$ là

- A. 3
- B. -2
- C. -5
- D. -3

Câu 5. Số nguyên âm -5 có thể biểu thị cho

- A. Nhiệt độ 5 độ dưới 0°C của một ngày mùa đông.
- B. Độ sâu của một giếng nước so với mặt đất.
- C. Công ty A lãi được 5 tấn hàng.
- D. Sự kiện xảy ra vào năm thứ 5 sau công nguyên.

Câu 6. Số nào dưới đây chia hết cho 5 , vừa chia hết cho 3 ?

- A. 925
- B. 135
- C. 250
- D. 200

Câu 7. Chọn phát biểu **đúng**.

- A. $-1 > 3^2$.
- B. $-8 > 0$.
- C. $-4 > 0$.
- D. $2 > -3$.

Câu 8. Phân tích số 84 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

- A. $2^2.3.7^2$
- B. $2.3^2.7$
- C. $2.3.7$
- D. $2^2.3.7$

Câu 9. Kết quả của phép tính $512.131 - 131.412$ là

- A. 131
- B. 51200
- C. 13100
- D. 41200

Câu 10. Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid 1 < x < 5\}$. Chọn khẳng định **đúng**.

- A. $2 \in A$
- B. $1 \in A$
- C. $5 \in A$
- D. $0 \in A$

Câu 11. Kết quả của phép tính $25.5^5.5^2$ được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên là

- A. 5^6
- B. 5^8
- C. 5^7
- D. 5^9

Câu 12. Có bao nhiêu số nguyên tố có một chữ số?

- A. 3
- B. 1
- C. 4
- D. 2

B. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm)

a) Tìm BCNN $(5, 25, 20)$.

b) Quy đồng mẫu số ba phân số $\frac{3}{5}; \frac{4}{25}; \frac{9}{20}$.

c) Thực hiện phép tính $\frac{3}{5} + \frac{4}{25} + \frac{9}{20}$.

Câu 2. (1.5 điểm)

a) Sử dụng số nguyên âm để biểu thị năm diễn ra các sự kiện sau so với công nguyên

i) Nhà nước Âu Lạc được thành lập vào khoảng 257 năm trước công nguyên.

ii) Nhà toán học Ta-Lét (Thales) sinh năm 625 trước công nguyên.

b) Hãy so sánh hai số nguyên vừa biểu thị ở câu a, qua đó cho biết sự kiện nào diễn ra trước trong hai sự kiện kể trên.

Câu 3. (1.5 điểm) Hoa có 48 viên bi đỏ, 30 viên bi xanh và 60 viên bi vàng. Hoa muốn chia đều số bi vào các túi, sao cho mỗi túi có đủ 3 loại bi.

a) Hoa có thể chia vào nhiều nhất bao nhiêu túi sao cho mỗi túi có số bi mỗi màu bằng nhau?

b) Khi đó, mỗi túi có bao nhiêu bi đỏ, bi xanh và bi vàng ?

Câu 4. (2.0 điểm) Cô Hoa có một căn phòng có dạng hình chữ nhật với chiều dài là 8m và chiều rộng là 5m.

a) Tính diện tích của căn phòng.

b) Cô Hoa muốn lát nền cho căn phòng bằng loại gạch lát nền dạng hình vuông có cạnh 40cm. Hỏi cô Hoa phải sử dụng bao nhiêu viên gạch? (coi phần mạch vữa là không đáng kể).

Câu 5. (0.5 điểm) Không thực hiện phép tính. Hãy chứng minh $A = 5 + 5^2 + 5^3 + \dots + 5^{11} + 5^{12}$ chia hết cho 30.

----- HẾT -----

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - ĐỀ THAM KHẢO**NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 6****Thời gian : 20 phút (không kể thời gian phát đề)**

Họ và tên: Lớp: SBD:Phòng:	Giáo viên coi kiểm tra	Mã phách
---	-------------------------------	-----------------

Điểm	Giáo viên chấm thi	Mã phách
-------------	---------------------------	-----------------

A. Phần trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm)**Câu 1.** Tập hợp $M = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 4\}$ cho bằng cách liệt kê phần tử là

- A.** $M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ **B.** $M = \{0; 1; 2; 3\}$ **C.** $M = \{1; 2; 3; 4\}$ **D.** $M = \{1; 2; 3\}$

Câu 2. Kết quả của phép tính $30.75 + 25.30 - 150$ là

- A.** 2850 **B.** 2950 **C.** 300 **D.** 150

Câu 3. Kết quả của phép tính $2.8^5.8^2.4$ được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên là

- A.** 8^2 **B.** 8^8 **C.** 8^7 **D.** 8^5

Câu 4. Tìm số nguyên x , biết $2x + 17 = 45$

- A.** $x = 14$ **B.** $x = 7$ **C.** $x = 21$ **D.** $x = 28$

Câu 5. Số nào dưới đây chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 3?

- A.** 210 **B.** 915 **C.** 125 **D.** 300

Câu 6. Trong các khẳng định sau đây khẳng định nào **sai**?

- A.** Số chia hết cho cả 2 và 5 thì có chữ số tận cùng là 0.
B. Những số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9.
C. Những số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3.
D. Những số có tận cùng là 5 thì chia hết cho 5

Câu 7. Trong các số tự nhiên dưới đây, số nào là số nguyên tố?

- A. 19 B. 18 C. 20 D. 21

Câu 8. Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

- A. $2.3.5$ B. $2^2.3.5$ C. $2.3^2.5$ D. $2^2.3.5^2$

Câu 9. Nhà nước Âu Lạc được thành lập vào khoảng 257 năm trước công nguyên. Số nguyên âm biểu thị cho năm xảy ra sự kiện này là

- A. -257 . B. $+257$. C. 257 . D. $-(-257)$.

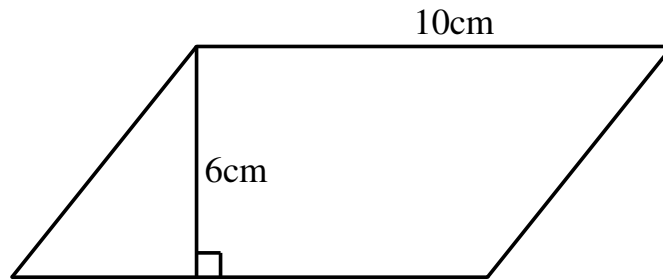
Câu 10. Cho $a = -5; b = 5$. Khi đó:

- A. $a < b$ B. $a = b$ C. $a > b$ D. chưa kết luận được

Câu 11. Tính diện tích của hình thoi có độ dài hai đường chéo là 12cm và 8cm.

- A. 36cm^2 . B. 24cm^2 . C. 96cm^2 . D. 48cm^2

Câu 12. Tính diện tích của hình bình hành với các kích thước như hình vẽ



- A. 60 cm^2 . B. 50cm^2 . C. 30cm^2 . D. 40cm^2

B. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm)

a) Tìm BCNN (18, 24, 36).

b) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{15}; \frac{4}{25}$. Từ đó thực hiện phép tính $\frac{3}{15} + \frac{4}{25}$.

Câu 2. (1.5 điểm)

a) Sử dụng số nguyên để biểu thị độ cao của

i) Đỉnh Phan Xi Păng (Fansipan) cao 3147m so với mực nước biển.

ii) Một tàu ngầm đang lặn sâu 250m so với mực nước biển.

b) so sánh hai số nguyên âm đã biểu thị ở câu a).

Câu 3. (1.5 điểm) Lớp 9A có 45 học sinh, lớp 9B có 42 học sinh, lớp 9C có 48 học sinh. Trong ngày khai giảng, ba lớp cùng xếp thành một số hàng dọc như nhau để diễu hành mà không lớp nào có người lẻ hàng.

a) Số hàng dọc nhiều nhất có thể xếp được là bao nhiêu hàng ?

b) Tính số học sinh mỗi hàng khi các lớp xếp hàng theo số hàng dọc nhiều nhất có thể xếp được.

Câu 4. (2.0 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng bằng 27 m và có diện tích bằng diện tích hình vuông cạnh 45 m.

a) Tính chiều dài của hình chữ nhật.

b) Người ta trồng rau bắp cải trên thửa ruộng đó, biết rằng cứ 1 m² thu hoạch được 4kg bắp cải. Hỏi trên cả thửa ruộng, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ rau?

Câu 5. (0.5 điểm) Tính tổng tất cả các số nguyên x , biết $-2022 < x \leq 2022$

----- **HẾT** -----

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - ĐỀ THAM KHẢO**NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 6****Thời gian : 20 phút (không kể thời gian phát đề)**

Họ và tên: Lớp: SBD:Phòng:	Giáo viên coi kiểm tra	Mã phách
---	-------------------------------	-----------------

Điểm	Giáo viên chấm thi	Mã phách
-------------	---------------------------	-----------------

A. Phần trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm)**Câu 1.** Cách viết nào sau đây cho ta tập hợp các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 7?

A. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

B. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

C. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

D. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

Câu 2. Kết quả của phép tính $300 : 4 + 300 : 6 - 25$ là

A. 100

B. 200

C. 300

D. 400

Câu 3. Kết quả của phép tính $3^4 \cdot 3^2$ được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên là

A. 3^2

B. 3^6

C. 3^4

D. 3^5

Câu 4. Tìm số nguyên x , biết $x - 17 = 23$

A. $x = 40$

B. $x = 17$

C. $x = 23$

D. $x = 6$

Câu 5. Số nào trong các số sau đây chia hết cho 3?

A. 2020

B. 2021

C. 2018

D. 2019

Câu 6. Chọn phát biểu **sai**.**A.** Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2 và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.**B.** Các số có tổng các chữ số chia hết cho 5 thì chia hết cho 5 và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.**C.** Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.

D. Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9 và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.

Câu 7. Trong các số 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10 có bao nhiêu số nguyên tố?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 8. Phân tích số 50 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

- A. 2.25 B. $2^2.5$ C. 2.5^2 D. $2^2.5^2$

Câu 9. Số nguyên âm biểu thị cho nhiệt độ 5 độ dưới 0°C là

- A. $+5^\circ\text{C}$. B. 5°C . C. -5°C . D. $-(-5)^\circ\text{C}$.

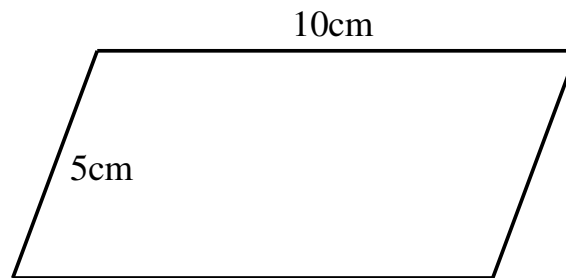
Câu 10. Chọn phát biểu **sai**.

- A. $-1 < 3$. B. $-2 < 0$. C. $-1 < 0$. D. $1 < -2$.

Câu 11. Tính diện tích của hình thoi có độ dài hai đường chéo là 4cm và 10cm.

- A. 24cm^2 . B. 18cm^2 . C. 40cm^2 . D. 20cm^2

Câu 12. Tính chu vi của hình bình hành với các kích thước như hình vẽ



- A. 30 cm. B. 18cm. C. 20cm. D. 28cm

B. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm)

a) Tìm BCNN (12, 36, 54).

b) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{5}{12}$; $\frac{3}{16}$. Từ đó thực hiện phép tính $\frac{5}{12} + \frac{3}{16}$.

Câu 2. (2.0 điểm) Trường THCS Kim Đồng muốn xây một phòng đọc sách cho học sinh có dạng hình chữ nhật với các kích thước là 750cm và 400cm.

a) Tính chu vi và diện tích của căn phòng.

b) Người ta lát gạch cho căn phòng, hỏi phải sử dụng ít nhất bao nhiêu viên gạch hình vuông cạnh 30cm để lát vừa đủ căn phòng.

Câu 3. (1.5 điểm) Nối các ý A, B, C, D ở cột I với các ý (1), (2), (3), (4) ở cột II thể hiện số nguyên âm được sử dụng trong thực tiễn cuộc sống.

CỘT I
A - chỉ nhiệt độ dưới 0 °C
B - chỉ độ cao dưới mực nước biển
C - chỉ số tiền nợ, số tiền lỗ trong kinh doanh
D - chỉ thời gian trước Công nguyên

CỘT II
(1) - Thế vận hội đầu tiên diễn ra vào năm 776 trước Công nguyên
(2) - Ông Trương kinh doanh bị lỗ 65 000 000 đồng
(3) - Một tàu ngầm đang lặn ở độ sâu 200m so với mực nước biển
(4) - Một thành phố đạt nhiệt độ 4 độ dưới 0 °C vào lúc nửa đêm.

Câu 4. (1.5 điểm) Một đội y tế có 36 bác sĩ và 108 y tá được cử đến khu cách ly T1 để chống dịch nCov. Hỏi có thể chia đội y tế đó nhiều nhất thành mấy tổ để các bác sĩ và các y tá được chia đều vào mỗi tổ?

Câu 5. (0.5 điểm) Tính tổng tất cả các số nguyên x , biết $-2001 \leq x < 1999$

----- **HẾT** -----

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - ĐỀ THAM KHẢO**NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 6****Thời gian : 20 phút (không kể thời gian phát đề)**

Họ và tên: Lớp: SBD:Phòng:	Giáo viên coi kiểm tra	Mã phách
---	-------------------------------	-----------------

Điểm	Giáo viên chấm thi	Mã phách
-------------	---------------------------	-----------------

A. Phần trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm)**Câu 1.** Gọi A là tập hợp các chữ số của số 2021 thì:

- A.** $A = \{2; 0; 1\}$ **B.** $A = \{2; 0; 2; 1\}$ **C.** $A = \{2; 1\}$ **D.** $A = \{0; 1\}$

Câu 2. Kết quả của phép tính $28.45 + 55.28 - 100$ là

- A.** 2700 **B.** 2800 **C.** 3200 **D.** 2400

Câu 3. Số nào chia hết cho cả các số 2; 3; 5; 9

- A.** 45 **B.** 78 **C.** 180 **D.** 210

Câu 4. Tập hợp C gồm các số tự nhiên lớn hơn 2 và nhỏ hơn 11 được viết là

- A.** $C = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } x < 11\}$ **B.** $C = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } x > 2\}$
C. $C = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } 2 < x < 11\}$ **D.** $C = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } 2 \leq x < 11\}$

Câu 5. Tập hợp các số tự nhiên là ước của 16 là

- A.** $\{2; 4; 8; 16\}$ **B.** $\{1; 2; 4; 8\}$ **C.** $\{0; 2; 4; 8; 16\}$ **D.** $\{1; 2; 4; 8; 16\}$

Câu 6. BCNN (4, 14, 26) là

- A.** 182 **B.** 2 **C.** 728 **D.** 364.

Câu 7. Kết quả của phép tính $5^{10} : 5^7$ được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên là

- A.** 125 **B.** 5^3 **C.** 5^{10} **D.** 5^7

Câu 8. Phân tích số 40 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

A. 2.4.5

B. $2^3.5$

C. 5.8

D. 4.10

Câu 9. Số đối của số 82 là

A. 82

B. -82

C. 28

D. -28

Câu 10. Số nguyên âm **không được** ứng dụng trong tình huống nào dưới đây:

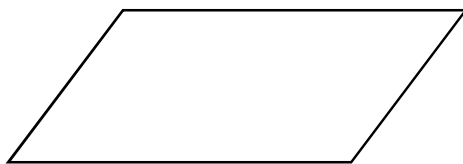
A. Biểu diễn nhiệt độ dưới 0°C .

B. Biểu diễn số tiền nợ ngân hàng.

C. Biểu diễn độ cao trên mực nước biển.

D. Biểu diễn số năm trước Công nguyên.

Câu 11. Hình vẽ bên dưới có tên là gì?



A. Tam giác đều

B. Lục giác đều

C. Hình vuông

D. Hình bình hành

Câu 12. Chu vi của hình vuông cạnh 6cm là

A. 30 cm.

B. 18cm.

C. 24cm.

D. 28cm

B. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm)

a) Viết tập hợp gồm các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 8 bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng phân tử.

b) Viết phép tính $(12^8 : 12) \cdot (243 : 3^4) \cdot (10^9 : 1000)$ dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên.

Câu 2. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính, tính hợp lý nếu có thể

a) $24.82 + 24.18 - 100$

b) $2021^0 - \left\{ 15^2 : \left[175 + (2^3 \cdot 5^2 - 6 \cdot 25) \right] \right\}$

Câu 3. (1.0 điểm) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{21}$; $\frac{2}{28}$. Từ đó thực hiện phép tính $\frac{3}{21} + \frac{2}{28}$.

Câu 4. (1.0 điểm)

a) Không thực hiện phép tính, hãy cho biết tổng $A = 725 + 665 - 230$ có chia hết cho 5 hay không?

b) Thủy ngân là một kim loại ở thể lỏng trong điều kiện nhiệt độ thông thường. Nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân là -39°C . Tính nhiệt độ sôi của thủy ngân biết độ chênh lệch giữa nhiệt độ sôi và nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân là 396°C .

Câu 5. (1.5 điểm) Số đội viên của một liên đội là số có ba chữ số nhỏ hơn 300. Mỗi lần xếp thành 3 hàng, 7 hàng, 10 hàng đều vừa đủ. Tính số đội viên của liên đội đó.

Câu 6. (1.5 điểm)

- a) Sử dụng thước thẳng và compa để vẽ một hình vuông có độ dài cạnh là 6cm
- b) Tính chu vi và diện tích của hình vuông vừa vẽ ở câu a).
- c) Tính chu vi của miếng bìa hình chữ nhật có diện tích bằng với diện tích hình vuông đã vẽ ở câu a) biết một cạnh của nó có độ dài là 4cm.

----- **HẾT** -----

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - ĐỀ THAM KHẢO

NĂM HỌC: 2022 – 2023

Môn : TOÁN – Lớp 6

Thời gian : 20 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên: Lớp: SBD:Phòng:	Giáo viên coi kiểm tra	Mã phách
---	------------------------	----------

Điểm	Giáo viên chấm thi	Mã phách
------	--------------------	----------

A. Phần trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính $2021^{2022} : 2021^{2021}$ là

- A. 1. B. 2021. C. 2021^{2020} . D. 0

Câu 2. Tập hợp A các số tự nhiên nhỏ hơn 8 được viết bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng của phân tử là

- A. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 8\}$. B. $A = \{x \in \mathbb{N} | x < 8\}$.
C. $A = \{x \in \mathbb{N} | x \leq 8\}$. D. $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x \geq 8\}$.

Câu 3. ƯCLN (24, 18) là

- A. 8. B. 3. C. 6. D. 72.

Câu 4. Khẳng định nào sau đây **đúng**?

- A. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau.
B. Hình vuông có bốn cạnh bằng nhau.
C. Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau.
D. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau.

Câu 5. Kết quả của phép tính $17.32 + 32.83$ là

- A. 3200 B. 2100 C. 1600 D. 2400

Câu 6. Hình nào dưới đây **không** có trục đối xứng?

A. Hình chữ nhật.

B. Hình bình hành.

C. Hình thoi.

D. Hình thang cân.

Câu 7. Tính diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo là 20 cm và 40 cm

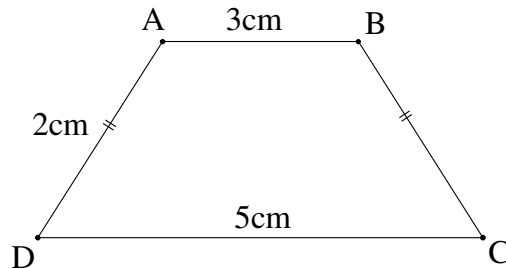
A. 400 cm^2 .

B. 600 cm^2 .

C. 800 cm^2 .

D. 200 cm^2 .

Câu 8. Cho hình thang cân ABCD có $AB = 3\text{cm}$, $BC = 2\text{cm}$, $CD = 5 \text{ cm}$ như hình vẽ



Chu vi của hình thang cân ABCD là

A. 6 cm.

B. 10cm.

C. 12cm.

D. 15cm

Câu 9. Đồ vật bên dưới có dạng hình gì?



A. Tam giác đều

B. Lục giác đều

C. Hình vuông

D. Hình bình hành

Câu 10. Tìm x biết $x + 72 = 0$

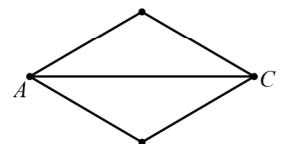
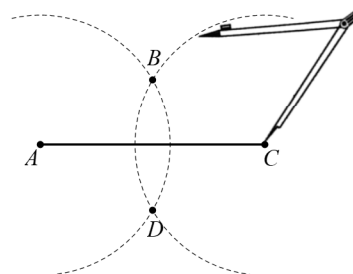
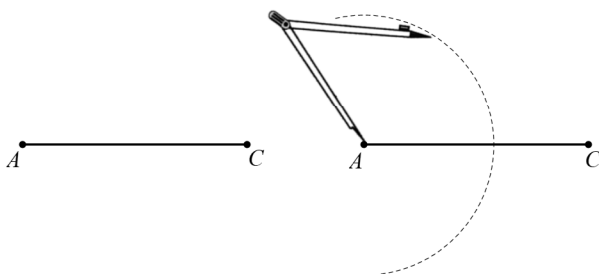
A. 72.

B. -72 .

C. -27 .

D. 27.

Câu 11. Các bước như ở bên dưới là các bước để vẽ hình nào?



Bước 1

Bước 2

Bước 3

Bước 4

A. Hình chữ nhật

B. Hình thoi

C. Hình vuông

D. Hình bình hành

Câu 12. Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -9°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ tăng 4°C so với buổi sáng?

A. 13°C .

B. -5°C .

C. 5°C .

D. -13°C .

B. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm)

a) Viết tập hợp A gồm các số lẻ có một chữ số bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp.

b) Viết phép tính $12^2 \cdot 12^5 \cdot 6 \cdot 2$ dưới dạng một lũy thừa với cơ số 12 và số mũ tự nhiên.

Câu 2. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính, tính hợp lý nếu có thể

a) $125 + 260 + 75 + 40$

b) $67 - [2.5^2 - (31 - 2.3)]$

Câu 3. (1.0 điểm) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{65}{75}$; $\frac{14}{25}$. Từ đó thực hiện phép tính $\frac{65}{75} + \frac{14}{25}$.

Câu 4. (1.0 điểm)

a) Sử dụng số nguyên để biểu thị độ cao của

+ Đỉnh Phan Xi Păng (Fansipan) cao 3147m so với mực nước biển.

+ Một tàu ngầm đang lặn sâu 250m so với mực nước biển.

b) So sánh hai số nguyên vừa mới biểu thị ở câu a).

Câu 5. (1.5 điểm) Thư viện của một trường có khoảng từ 400 đến 600 quyển sách. Nếu xếp vào giá sách mỗi ngăn 12 quyển, 15 quyển hoặc 16 quyển đều vừa đủ ngăn. Tính số sách của thư viện.

Câu 6. (1.5 điểm) Sân nhà bạn An là hình chữ nhật có chu vi là 30m và chiều rộng 5m.

a) Tính diện tích sân nhà bạn An.

b) Bố An muốn dùng những viên gạch hình vuông cạnh là 50cm để lát sân. Vậy bố An cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát hết sân đó ?

----- HẾT -----

ĐỀ KIỂM TRA THỬ SỐ 4**ĐỀ KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC KỲ I**
NĂM HỌC 2022 – 2023 – Môn: TOÁN – LỚP 6

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

Câu 1. (3.0 điểm)

- a) Viết tập hợp gồm các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 8 bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng phần tử.
- b) Viết phép tính $(12^8 : 12) \cdot (243 : 3^4) \cdot (10^9 : 1000)$ dưới dạng lũy thừa với số mũ tự nhiên.
- c) Thực hiện phép tính $24.82 + 24.18 - 100$
- d) Tính giá trị của biểu thức $2021^0 - \left\{ 15^2 : \left[175 + (2^3 \cdot 5^2 - 6.25) \right] \right\}$
- e) Không thực hiện phép tính, hãy cho biết tổng $A = 725 + 665 - 230$ có chia hết cho 5 hay không?
- f) Sử dụng số nguyên âm để biểu thị độ cao h của giếng nước sâu 12m so với mặt đất. So sánh h và 6.

Câu 2. (2.0 điểm) Thư viện của một trường có khoảng từ 400 đến 600 quyển sách. Nếu xếp vào giá sách mỗi ngăn 12 quyển, 15 quyển hoặc 16 quyển đều vừa đủ ngăn. Tính số sách của thư viện.

Câu 3. (1.5 điểm) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{21}$; $\frac{2}{28}$. Từ đó thực hiện phép tính $\frac{3}{21} + \frac{2}{28}$.

Câu 4. (1.0 điểm)

- a) Sử dụng số nguyên âm để biểu thị độ cao của giếng nước sâu 15m so với mặt đất.
- b) Nhiệt độ buổi sáng của phòng lạnh là -9°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng lạnh đó là bao nhiêu biết nhiệt độ tăng 4°C so với buổi sáng?

Câu 5. (2.0 điểm) Sân nhà bạn Nam có dạng hình chữ nhật và có chu vi là 30m và chiều rộng 5m.

- a) Tính diện tích sân nhà bạn Nam.
- b) Bố bạn Nam muốn dùng những viên gạch hình vuông cạnh là 50cm để lát sân. Em hãy cho biết bố bạn Nam cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát hết sân đó.

Câu 6. (0.5 điểm) Cho $A = 2021^3$ và $B = 2020.2021.2022$. Không thực hiện phép tính, hãy so sánh A và B.

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC KỲ I**ĐỀ KIỂM TRA THỬ SỐ 3****NĂM HỌC 2022 – 2023 – Môn: TOÁN – LỚP 6**Thời gian: 90 phút (*Không kể thời gian phát đề*)**Câu 1. (3.0 điểm)**

- a) Viết tập hợp $A = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên lẻ, } 9 < x < 20\}$ bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp.
- b) Viết số 64 dưới dạng một lũy thừa với cơ số 2 và dưới dạng một lũy thừa với cơ số 4.
- c) Tìm x biết $107 + 39 + 93 + x = 250$
- d) Tính giá trị của biểu thức $M = 3^3 : \left[2^3 + (5^2 - 8.3)^{2021} \right]$
- e) Số $123 \underbrace{000 \dots 01}_{99 \text{ số } 0}$ có chia hết cho 3 hay không? Vì sao?
- f) Biểu diễn trên cùng một trục số các số -2 ; 0 ; 5 .

Câu 2. (2.0 điểm) Ba đội công nhân cùng trồng một số cây như nhau. Tính ra mỗi công nhân đội A trồng 7 cây, mỗi công nhân đội B trồng 8 cây, mỗi công nhân đội C trồng 6 cây. Tính số công nhân của mỗi đội, biết rằng số cây của mỗi đội phải trồng trong khoảng từ 100 đến 200.

Câu 3. (1.5 điểm)

- a) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{7}{15}$; $\frac{3}{20}$
- b) Thực hiện phép tính $\frac{1}{4} + \frac{4}{3} + \frac{3}{6}$

Câu 4. (1.0 điểm) Sử dụng số nguyên âm để biểu thị

- a) Nhiệt độ ngày 23/01/2020 tại thành phố Moscow – Nga là 6 độ dưới 0°C .
- b) Nhà toán học Py-ta-go (Pythagoras) sinh năm 570 trước công nguyên.

Câu 5. (2.0 điểm)

- a) Viết công thức tính chu vi và diện tích hình chữ nhật có độ dài hai cạnh là a và b .
- b) Sử dụng thước thẳng và compa để vẽ một hình vuông có độ dài cạnh là 5cm
- c) Tính chu vi và diện tích của miếng bìa hình chữ nhật có chiều rộng bằng 3cm, chiều dài bằng 5cm.

Câu 6. (0.5 điểm) Tìm số tự nhiên $\overline{579 *}$ biết số đó chia hết cho 3 và chia hết cho 5.

----- **Hết** -----

ĐỀ KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC KỲ I**ĐỀ KIỂM TRA THỬ SỐ 2****NĂM HỌC 2022 – 2023 – Môn: TOÁN – LỚP 6**Thời gian: 90 phút (*Không kể thời gian phát đề*)**Câu 1. (2.5 điểm)**

- a) Viết tập hợp gồm các số chẵn lớn hơn 2 và nhỏ 14 bằng cách liệt kê.
- b) Viết số 243 dưới dạng một lũy thừa với cơ số 3.
- c) Thực hiện phép tính $440 + 235 + 165 + 60 - 100$
- d) Tính giá trị của biểu thức $136 - [2^2 - (7.3 - 2.3) : 5]^{2021}$
- e) Không thực hiện phép tính, hãy cho biết tổng $2303 + 81 + 162$ có chia hết cho 9 hay không?

Câu 2. (1.5 điểm)

- a) Sử dụng số nguyên để biểu thị năm diễn ra các sự kiện sau so với công nguyên
 - i) Nhà nước Âu Lạc được thành lập vào khoảng 257 năm trước công nguyên.
 - ii) 1010 năm sau công nguyên, Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La và đổi tên Đại La thành Thăng Long
- b) Hãy so sánh hai số nguyên vừa biểu thị ở câu a, qua đó cho biết sự kiện nào diễn ra trước trong hai sự kiện kể trên.

Câu 3. (1.5 điểm) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{6}{42}$; $\frac{2}{84}$. Từ đó thực hiện phép tính $\frac{6}{42} + \frac{2}{84}$.

Câu 4. (2.0 điểm) Liên đội trường THCS Kim Đồng khi xếp hàng thì xếp thành 5 hàng, 8 hàng, 10 hàng đều vừa đủ số đội viên. Biết số đội viên của trường lớn hơn 210 và nhỏ hơn 250 bạn.

- a) Tính số đội viên của liên đội trường THCS Kim Đồng.
- b) Tính số đội viên mỗi hàng khi xếp số đội viên của liên đội trường THCS Kim Đồng thành 5 hàng, 8 hàng, 10 hàng.

Câu 5. (2.0 điểm)

- a) Vẽ minh họa và viết công thức tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật có độ dài hai cạnh là a và b .
- b) Tính chu vi và diện tích của miếng bìa hình chữ nhật có chiều rộng bằng 5cm, chiều dài bằng 8cm.

Câu 6. (0.5 điểm) Tính tổng tất cả các số nguyên x , biết $-2022 \leq x < 2022$

----- **Hết** -----

ĐỀ KIỂM TRA THỬ SỐ 1**ĐỀ KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC KỲ I**
NĂM HỌC 2022 – 2023 – Môn: TOÁN – LỚP 6Thời gian: 90 phút (*Không kể thời gian phát đề*)**Câu 1. (3.0 điểm)**

- a) Viết tập hợp gồm các số 1; 3; 5; 7; 9; 11 bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng của phần tử.
- b) Viết phép tính $4.8^5.2.8^3.8$ dưới dạng một lũy thừa với cơ số 8 và số mũ tự nhiên.
- c) Thực hiện phép tính $46 \cdot 137 + 137 \cdot 54$
- d) Tính giá trị của biểu thức $M = [36 - (82 - 7.11)^2] : 11 + (2022 - 2021)^{2020}$
- e) Không thực hiện phép tính, hãy cho biết tổng $303 + 162 + 18$ có chia hết cho 3 hay không?
- f) Sử dụng số nguyên âm để biểu thị độ cao h của giếng nước sâu 12m so với mặt đất. So sánh h và 6.

Câu 2. (1.0 điểm) Sử dụng số nguyên để biểu thị độ cao của

- a) Đỉnh Phan Xi Păng (Fansipan) cao 3147m so với mực nước biển.
- b) Một tàu ngầm đang lặn sâu 250m so với mực nước biển.

Câu 3. (1.5 điểm) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{2}{6}$ và $\frac{12}{8}$. Từ đó thực hiện phép tính $\frac{2}{6} + \frac{12}{8}$.**Câu 4. (2.0 điểm)** Số học sinh của một trường THCS là một số có ba chữ số lớn hơn 800. Mỗi lần xếp hàng gồm 5 học sinh, hàng 6 học sinh, hàng 7 học sinh, hàng 8 học sinh đều vừa đủ không thừa học sinh nào.

- a) Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh.
- b) Tính số hàng khi xếp học sinh của trường thành hàng 5 học sinh, hàng 6 học sinh, hàng 7 học sinh, hàng 8 học sinh.

Câu 5. (2.0 điểm)

- a) Viết công thức tính diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo là a và b .
- b) Tính diện tích của miếng bìa hình chữ nhật có chiều dài là 9cm và chiều rộng là 4cm.
- c) Tính chu vi của miếng bìa hình vuông có cùng diện tích như diện tích của miếng bìa hình chữ nhật đã cho ở câu b).

Câu 6. (0.5 điểm) Tính tổng tất cả các số nguyên từ (-1002) cho đến 1001 theo biểu diễn trên trục số.----- **Hết** -----